

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 180/2024/DS-ST

Ngày: 27-11-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hữu Quang

2. Ông Đinh Ngọc Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Trần Đặng Chí H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số H, N, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2024).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Minh T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Trương Thị Thu T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà H, ông H1, bà T1, bà L có mặt; bà Đ, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đăng Chí H1 trình bày:

Bà H cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Minh T và Trương Thị Thu T1 vay 02 lần, mục đích vay để ông T và bà T1 bổ sung vốn kinh doanh, khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền viết tay, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 17/6/2020, bà H cho vợ chồng ông T bà T1 vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 2,5 năm, không thỏa thuận lãi suất vay.

Lần 2: Vào ngày 09/3/2022, bà H cho vợ chồng ông T bà T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất vay nhưng bà H đã thông báo cho ông T, bà T1 yêu cầu thanh toán nợ ngày 13/3/2024 nhưng ông T, bà T1 vẫn không thanh toán.

Quá trình vay ông T, bà T1 không thanh toán tiền vốn vay và tiền lãi cho bà H.

Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Minh T và bà Trương Thị Thu T1 phải liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 450.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất, với mức lãi suất 9%/năm, cụ thể:

Đối với khoản vay 350.000.000 đồng, tính lãi suất từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2024 là 15 tháng, thành tiền là 39.375.000 đồng.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, tính lãi suất từ tháng 5/2024 đến tháng 8/2024 là 03 tháng, thành tiền là 2.250.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 491.625.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà H thừa nhận số tiền bà nhận từ tài khoản của bà L đến tài khoản của bà được xem là bà nhận tiền từ bà T1 nhưng là giao dịch khác, như thanh toán tiền mua bán thanh long, tiền vay khác và tiền lãi của khoản vay ngân hàng số tiền 1.200.000.000 đồng mà bà đứng tên vay cho ông H2 (em trai của bà T1) và bà T1, không liên quan đến khoản vay yêu cầu khởi kiện trong vụ án.

Bà Trương Thị Thu T1 là bị đơn trình bày. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, vì năm 2017 bà có vay bà H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay

thỏa thuận 15%/tháng, bà đã thanh toán tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản cho bà H (từ tài khoản con gái bà tên L và tài khoản người khác) và tiền mặt, số tiền lãi bà đã thanh toán nhiều hơn số tiền vốn vay nên xem như đã thanh toán xong cho bà H. Sau đó, do công việc làm ăn không thuận lợi, bà không thanh toán tiền lãi nên bà H đã cộng dồn tiền lãi vào tiền vốn thành số tiền nợ 350.000.000 đồng và buộc bà ký giấy nhận nợ. Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng có nguồn gốc từ tiền hụi vì bà có nhờ bà H tham gia chơi 02 phần hụi, khi bà hốt hụi thì bà H nói chủ hụi không cho hốt và bà H đồng ý cho bà hốt trước với số tiền 100.000.000 đồng, xem như bà H mua 02 phần hụi của bà nhưng ký giấy nhận nợ, sau này bà H được hốt 02 phần hụi này và xem như bà hết nợ.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà đã thực hiện lệnh chuyển tiền từ tài khoản của bà đến tài khoản của bà H là thực hiện theo yêu cầu của bà T1 (mẹ của bà), tất cả các giao dịch chuyển nhận tiền giữa bà và bà H là giao dịch của bà T1 và bà H, nên bà không biết chính xác là giao dịch gì, trả cho khoản vay nào.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về nợ gốc: Các đương sự thống nhất chữ ký tên và chữ viết họ tên tại 02 giấy mượn tiền viết tay do nguyên đơn cung cấp là của bị đơn nhưng không thống nhất số tiền nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày các giao dịch chuyển khoản phát sinh giữa bà H và bà L là giao dịch giữa bà H và bà T1 nhưng là giao dịch mua bán thanh long, giao dịch cho mượn tiền qua lại không phải là giao dịch bà T1 trả khoản nợ cho bà H trong vụ án. Xét bản sao kê tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ L, các giao dịch giữa bà H và bà T1 có nội dung “Cho chị T1 mượn 10tr”, “Nguyễn Thị Mỹ L chuyển khoản” hoặc “Bé gửi” không có nội dung cụ thể. Mặt khác, tại bản sao kê tài khoản của bà Trương Thị H, giao dịch giữa bà H với bà L cũng có nội dung “Trương Thị H chuyển tiền”, “Chuyển tiền bán cho L”... nên có cơ sở thể hiện lời trình bày của bà H là có căn cứ. Bà T1 cho rằng số tiền chuyển khoản là tiền gốc và lãi bà trả cho bà H nhưng phần nội dung không ghi rõ, không có chứng cứ chứng minh nên căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với lãi suất: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà H yêu cầu bị đơn thanh toán lãi với mức 9%/năm, đối với khoản vay 350.000.000 đồng tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2024, số tiền là 39.375.000 đồng, đối với khoản vay 100.000.000 đồng, tính từ tháng 5/2024 đến tháng 8/2024 với số tiền là 2.250.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Do hợp đồng vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà T1, việc vay tiền được bà T1 xác nhận dùng để kinh doanh thanh long, có đem lại nguồn thu cho gia đình, vì vậy ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 thanh

toán khoản nợ trên.

Từ những phân tích trên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình và các Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn Minh T và bà Trương Thị Thu T1, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T và bà T1 cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông T, bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Đ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu ông T và bà T1 liên đới thanh toán số tiền vốn vay và tiền lãi, tổng cộng là 491.625.000 đồng, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên thống nhất chữ ký tên và chữ viết họ tên tại 02 giấy mượn tiền viết tay do nguyên đơn cung cấp là của bị đơn, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Các đương sự không thống nhất số tiền nợ, bị đơn cho rằng bà không thực vay số tiền 350.000.000 đồng, mà do bà H đã cộng dồn tiền vốn vay và tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng (năm 2017) là không có căn cứ, bởi: Bà T1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và khi bà T1 tiếp tục trả tiền lãi cho bà H trên số tiền vốn 350.000.000 đồng (như bà T1 trình bày) có nghĩa là bà T1 đã xác nhận số tiền nợ 350.000.000 đồng đối với bà H.

[2.3] Xét, quá trình giao dịch chuyển và nhận tiền của các bên: Tại bản sao kê tài khoản tiền gửi ngân hàng in ngày 26/9/2024 do Ngân hàng TMCP Đ1, chi nhánh T2 cung cấp, thể hiện:

Số tài khoản 7101501909 (mới) và số tài khoản 71010001501909 (cũ) của bà H phát sinh nợ và có từ tài khoản 070096301683 của bà Nguyễn Thị Mỹ L (con gái của bà T1) rất nhiều lần và nhiều số tiền khác nhau (bút lục 157-221). Các đương sự thống nhất, giao dịch chuyển và nhận tiền giữa bà L và bà H là giao dịch chuyển và nhận tiền giữa bà T1 và bà H.

Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất việc thanh toán nợ, bà H cho rằng đây là các giao dịch khác không liên quan đến các khoản vay trong vụ án; bà T1 xác định số tiền bà H nhận chuyển khoản là tiền bà T1 thanh toán cho khoản

vay, nhưng bà T1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giao dịch nào là giao dịch bà T1 trả tiền lãi của số tiền vay 350.000.000 đồng, bởi nội dung chuyển tiền không thể hiện cụ thể là trả tiền vốn, tiền lãi hay trả cho khoản vay nào nên trình bày của bà T1 không có căn cứ.

Ngoài ra, tại bản sao kê tài khoản ngân hàng có tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Mỹ L (do bà L cung cấp, bút lục 225-326), thể hiện: Không chỉ có việc bà T1 chuyển tiền cho bà H, mà còn có chiều ngược lại bà H chuyển tiền cho bà T1 nhiều lần với các số tiền khác nhau (thông qua tài khoản bà L), điều này chứng minh rằng lời trình bày của bà H là có căn cứ, các bên có thực hiện nhiều giao dịch khác nhau, không phải trả tiền lãi vay như bà T1 trình bày.

Do vậy, từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; đối với số tiền chuyển khoản giữa bà L và bà H hay giữa bà T1 và bà H, khi nào các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Xét nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Bà T1 vay tiền bà H nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh, diễn ra trong thời kỳ hôn nhân với ông T nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà H.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất vay: Giao dịch vay của các bên là vay không có lãi và có kỳ hạn, bà H yêu cầu ông T và bà T1 liên đới thanh toán tiền lãi vay với mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông T và bà T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trương Thị H đối với ông Nguyễn Văn Minh T và bà Trương Thị Thu T1.

Buộc ông Nguyễn Văn Minh T và bà Trương Thị Thu T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trương Thị H số tiền 491.625.000 (bốn trăm chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, trong đó tiền vốn vay là 450.000.000 đồng và tiền lãi vay là 41.625.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Minh T và bà Trương Thị Thu T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 23.665.000 (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Trương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.802.500 (mười một triệu tám trăm lẻ hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008827 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt